

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2025/DS-ST.

Ngày: 27-6-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đường Thanh Chánh.

+ Ông Võ Tùng Chinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 105/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1); địa chỉ: Số B, đường N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Lầu F, B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng G - Sinh năm: 1999; địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/12/2018 ông G có ký với Ngân hàng TMCP S giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, hạn mức tín dụng là 12.000.000VNĐ (mười hai triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 09/06/2025, ông G còn nợ Ngân hàng TMCP S khoản nợ gốc là 14.351.862VNĐ (mười bốn triệu ba trăm năm mươi một ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng) và tiền lãi là 21.343.608VNĐ (hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm lẻ tám đồng).

Ngân hàng TMCP S nhiều lần làm việc với ông G, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn nhưng ông G vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng TMCP S. Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông G phải nợ gốc là 14.351.862VNĐ (mười bốn triệu ba trăm năm mươi một ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng), tiền lãi tính đến ngày 09/6/2025 là 21.343.608VNĐ (hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm lẻ tám đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 10/06/2025 cho đến khi trả dứt nợ theo Hợp đồng đã ký kết.

Bị đơn là ông Lê Hoàng G vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Đây là vụ kiện về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, bị đơn là anh G có địa chỉ tại ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cà Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông N) có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông G vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, ông G theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Lời trình bày của nguyên đơn về thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay là phù hợp với nội dung của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18 tháng 12 năm 2018 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (các bảng tóm tắt sao kê). Bị đơn là ông G vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến có liên quan đến vụ án hay phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn là phù hợp với nội dung của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18 tháng 12 năm 2018 được ký kết giữa bị đơn với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T và các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các điều 5, 147, 157, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể:

1/ Buộc ông Lê Hoàng G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số nợ gốc là 14.351.862VNĐ (mười bốn triệu ba trăm năm mươi một ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng), tiền lãi tính đến ngày 09/6/2025 là 21.343.608VNĐ (hai mươi một triệu ba trăm bốn mươi ba ngàn sáu trăm lẻ tám đồng).

2/ Kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2025 cho đến khi trả hết nợ, ông Lê Hoàng G có nghĩa vụ trả tiền lãi theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18 tháng 12 năm 2018 được ký kết giữa ông Lê Hoàng G với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh T và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 569.154VNĐ (năm trăm sáu mươi chín ngàn một trăm năm mươi bốn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0026877 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2) Buộc ông Lê Hoàng G có nghĩa vụ nộp 1.785.000VNĐ (một triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên